

Tư tưởng hành đạo của nhà nho Ngô Thì Nhậm

Lê Văn Tấn *

Tóm tắt: Ngô Thì Nhậm là một tài năng lớn về ngoại giao, chính trị, quân sự, văn học. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho triều Lê - Trịnh và triều Tây Sơn. Những đặc điểm này đã hình thành nên loại hình nhà nho hành đạo trong văn học trung đại. Dù ông sáng tác ở mảng đề tài nào thì chúng ta đều thấy điểm rõ nét nhất là hình ảnh một kẻ sĩ luôn mong muốn được đem tâm sức của mình ra để phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước.

Từ khóa: Ngô Thì Nhậm; nhà nho; hành đạo; văn học trung đại.

1. Mở đầu

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), tự Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, người làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông đỗ Giải nguyên năm 1768, rồi tiến sĩ Tam giáp năm 1775, làm quan trải các triều Lê - Trịnh và Tây Sơn. Với quan niệm hành tàng linh hoạt, Ngô Thì Nhậm đã theo đuổi và kiên trì con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn. Với gần 600 bài thơ còn để lại, ông xứng đáng là mẫu hình nhà nho hành đạo tiêu biểu, một tác gia văn học lớn giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung. Ông có những đóng góp to lớn trên phương diện chính trị và quân sự cho triều Lê - Trịnh, đặc biệt là Tây Sơn. Dù ở cương vị hay hoàn cảnh nào, ông đều luôn kiên trì lí tưởng phục vụ dân, phục vụ nước của một người trí thức chân chính. Trong lĩnh vực thơ văn, Ngô Thì Nhậm cũng để lại một khối lượng sáng tác đồ sộ với nội dung phong phú, cô đọng, giàu giá trị, chân thực và gần gũi với người đọc.

2. Con đường hành đạo

Thời kì trung đại, các trí thức tiếp thu sở học của Nho gia đều mong muốn đem tài năng của mình thực hiện những điều tâm huyết với triều chính, xã tắc. Nhưng cũng vì nhiều lí do mà không ít nhà nho đã không thực hiện được sở nguyện của mình. Chúng tôi cho rằng khi nhìn nhận các nhà nho và những đóng góp của họ đối với lịch sử cần phải được nhìn nhận trên nhiều chiều cạnh khác nhau.

Năm 1778, ông được cử làm Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên, rồi kinh qua các vị trí như Đông các Hiệu thư, Hàn lâm viện Hiệu thảo, Hữu thị lang Bộ Công. Tại thời điểm này, ông đã bắt đầu nổi tiếng về tài năng kinh sử và thơ văn trong đám sĩ phu Bắc Hà lúc bấy giờ.

Trong thời kỳ làm quan dưới trướng của chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã tận tâm tận lực, lao tâm khổ tứ để có thể làm tốt bổn phận của mình, cũng là tinh thần tự nhiệm

(*) Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

ĐT: 01238159729. Email: tanlv0105@gmail.com.

của nhà nho. Ông luôn quan tâm chăm lo đời sống của người dân, không ngần ngại bị chúa thất sủng trình báo thẳng thần những điều tai nghe mắt thấy về tình cảnh của nhân dân hay những tệ nạn trong giới cầm quyền đương thời. Trong bài *Điều trần Hải Dương xứ tình tệ khai*, ông từng viết: “Ruộng đất ở vùng Đông nam thuộc vào loại tốt nhất trong nước, sông ngòi vây như dải mũ, đai lưng, đồng lầy màu mỡ, dù hạn hán, lụt lội, cũng không phải lo ngại... Nay đồng ruộng hoang vu, bỏ mặc không nhìn đến mà những nhân viên cai quản lại căn cứ vào sổ cũ để thu thuế, người làm ruộng phải mượn nghề mọn khác để lấy thóc nộp tô. Cái khổ tinh đau khổ của dân chính là ở chỗ đó” [1]. Những đóng góp của Ngô Thì Nhậm với tư cách Đốc đồng Thái Nguyên đã được lòng chúa Trịnh, tuy nhiên giai đoạn sau này, triều chính rối ren buộc ông phải lánh nạn về quê của người vợ cả ở am Lê Trạch, xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình).

Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc lần hai và xuống lệnh “cầu hiền” để phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước. Ngô Thì Nhậm và một số thân sĩ Bắc Hà khác như Phan Huy Ích, Bùi Dương Lịch, Ninh Tồn... đã lần lượt ra làm quan và đắc lộ với nhà Tây Sơn.

Khi ra làm quan cho Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm đã vượt qua được quan niệm trung quân có phần cổ hủ của nhiều nhà nho. Bao tâm huyết với triều chính, với nhân dân của ông đã được tiếp tục và ở một tầm cao mới. Trong thời gian này, Ngô Thì Nhậm được vua Quang Trung đặc biệt tin dùng. Ban đầu ông được giao giữ chức Hữu thị lang bộ Công, tước Tình Phái hầu, cùng với Võ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà

Lê. Tháng 10 năm 1788, Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân Thanh xâm lược nước ta, Ngô Thì Nhậm cùng với các tướng lĩnh trong đó có Ngô Văn Sở bàn tính kế lui giặc. Công hiến quan trọng nhất tại thời điểm này của Ngô Thì Nhậm chính là “nước cờ Tam Điệp”, lui binh về Tam Điệp lúc này vừa bảo toàn được lực lượng, vừa giữ được chỗ hiểm yếu chờ đại quân, lại khiến quân Thanh chủ quan khinh địch. Kế sách này của Ngô Thì Nhậm được chính vua Quang Trung hết lời khen ngợi, và “nước cờ Tam Điệp” được lịch sử đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến thắng lợi lẫy lừng của nhà Tây Sơn mùa xuân năm 1789. Ngô Thì Nhậm được triều Tây Sơn giao thêm nhiều trọng trách, ở cương vị nào ông cũng hết lòng với công việc, lo cho dân cho nước. Sau khi vua Quang Trung mất, triều chính rối ren, nội bộ chia rẽ, triều Nguyễn lên thay, các công thần triều Tây Sơn đã bị hãm hại và Ngô Thì Nhậm cũng không phải là một ngoại lệ. Ngô Thì Nhậm kiên trì con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn, dù ở vị trí nào, hoàn cảnh nào, ông cũng đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu. Ngô Thì Nhậm đã hết lòng phục vụ triều đại Tây Sơn, và bằng tài trí của mình, ông đã có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Những cống hiến của Ngô Thì Nhậm cho triều đại Tây Sơn đã được các nhà nghiên cứu khẳng định trên nhiều lĩnh vực: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế.

3. Tư tưởng nhập thế

Trong thời loạn, một số nhà nho đã ẩn dật (xuất thế) để thể hiện thái độ với thời cuộc, số khác lựa chọn con đường nhập thế để phụng sự cho đất nước, Ngô Thì Nhậm thuộc mô típ thứ hai. Những vần thơ ngôn

chí (dùng thơ để nói chí) chiếm một phần lớn trong sự nghiệp thơ ca của Ngô Thì Nhậm. Đó là chí của một nho sĩ hành đạo mẫu mực với tấm lòng luôn hướng tới xã tắc, nhân dân. Cái chí mà tác giả đã hấp thu được từ tư tưởng Nho gia. Ông luôn xác định, tâm niệm về vai trò tự nhiệm của nhà nho trước cuộc đời. Bắt gặp trong thơ Ngô Thì Nhậm hình tượng một con người luôn luôn sẵn sàng xả thân vì nghĩa, không quản ngại khó khăn gian khổ: “Đi đánh giặc không ngại li biệt lâu/Việc chiêu an chỉ cốt đi tuần tra/Tuyên bố giáo hóa, là chức phận tôi con/Xin đem đám mưa ngọt để tưới nhuần cho dân miền núi” (*Qua đò sông Nguyệt Đức*).

Trong thời gian lánh nạn ở quê vợ ở xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình), ông luôn bền gan vững chí, hướng tới ngày mai tươi sáng, ngày mà ông sẽ gặp đáng minh quân, để ông lại được đem tài năng của mình phục vụ triều chính, phục vụ nhân dân. Lời thơ viết ra như để ông tự động viên, khích lệ mình cần phải cố gắng: “Học hỏi không gì khác hơn là cố gắng/Một “cần” bằng trăm, mười “cần” bằng nghìn/Núi Thái, núi Họa cao ngất trời, nên thêm sọt nữa/Nghựa hoa, ngựa lưu đui kíp mặt trời cũng phải gia roi” (*Viết đề “Miễn trai”*).

Khi được tham gia triều chính và được trọng dụng, Ngô Thì Nhậm đã viết nhiều bài thơ ngợi ca vua Quang Trung Nguyễn Huệ, ngợi ca triều đại Tây Sơn. Lời thơ được viết ra đầy phấn kích với niềm tin, sự lạc quan của ông về một thời đại mới sẽ được mở ra: “Muôn đội rồng lượn, ủng hộ Ngọc Hoàng/Cùng bay bổng ra oai trong thiên hạ/Quét quang mây mù, mở ra màu thu/Thấy vàng Thái dương giữa trời như cũ” (*Gió to*).

Một loạt bài thơ được ông viết để gửi cho người em là Học Tồn, ông chú ruột hay ông họ Trần ở Vân Canh, tặng quan trung thư Trần Văn Kỳ... và nhiều bài thơ khác được viết khi Ngô Thì Nhậm đi sứ trở về từ Yên Kinh đến Phú Xuân tiếp tục cho thấy tình cảm cũng như sự ngưỡng mộ tin tưởng vào vận hội mới của đất nước: “Nhu gió mùa xuân, như mặt trời mùa đông/Thông cảm nhau, còn mãi lòng thân ái/Uy nghi nghiêm chỉnh như cây trúc sông Kỳ/Lòng dạ vững vàng như cây tùng mùa lạnh/Rủ dai, cần phải có bậc nguyên lão/Cát mữ, luôn luôn nhớ đến tôn ông/Gần gũi nhạc Quân thiêu dưới bóng mây cao trên cửa khuyết/Văng vẳng chuông Thái thanh đưa đến quân doanh” (*Tặng quan trung thư là Kỳ Thiện Hầu*).

Trên đường vào Nam để nhậm chức, ông viết những vần thơ lạc quan, phơi phới, tin tưởng vào triều đại mới sẽ mang lại cho đất nước cảnh thái bình, cho nhân dân được ấm no: “Lần đầu đi miền Nam đến Nghệ An/Mỗi cảnh vật là một mộng, một kỳ quan/Đê cát muôn dặm châu về biển cả/Lũy đá ngàn trùng, vút tận sông Ngân/Đất có công hầu, cảnh non sông thanh tú/Trời sinh hào kiệt, sao đầu tinh vòng quanh/Đường mai ghi nhớ những thôn làng nổi tiếng/Rành rành các bậc anh hùng ghi trong sử sách” (*Trên đường Nghệ An*).

Qua những vần thơ ngôn chí, Ngô Thì Nhậm đã thể hiện là một nhà nho với tư tưởng nhập thế, luôn sẵn sàng đem công sức và tài năng của mình để phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước. Những vần thơ của ông, thể hiện cái hùng tâm tráng của một kẻ sĩ hành đạo tiêu biểu trong thời loạn.

4. Tình cảm với quê hương đất nước

Mảng thơ đi sứ của Ngô Thì Nhậm đã

đóng góp cho dòng thơ đi sứ của văn học trung đại Việt Nam cả về nội dung lẫn nghệ thuật. Không chỉ là ghi chép lại những gì mắt thấy tai nghe, những vần thơ đi sứ của ông cũng thể hiện tình cảm của tác giả với quê hương đất nước, trong đó có cả những tâm tư nặng trĩu về vận mệnh của đất nước.

Một trong những điều dễ nhận thấy ở thơ ông ở mảng đề tài này là niềm tự hào với non sông, tổ quốc mình, với những chiến công oai hùng của cha ông thuở trước: “Gươm thần còn lưu vết trên hòn đá tướng Minh/Khói ải Quỷ khóa đền thờ tướng Hán/Sau khi phương Nam phương Bắc mở thông cửa ải/Người dẫn đường cho sứ từ Yên Kinh đến... Đường đi như xuất hiện từ đám cỏ xanh/Ruộng nương như khai khẩn từ trên mây biếc/Rất đỗi kỳ quan là màu trời một dải/Trong chòm kinh tinh ở ngôi trung cực, rực rỡ sao Đẩu sao Thai (*Đọc đường Lạng Sơn*).

Ông làm khá nhiều bài vịnh các nhân vật lịch sử của Trung Hoa như Gia Cát Lượng, Giả Nghị, Văn Thiên Tường, Tô Đông Pha... để bày tỏ sự tôn kính với những bậc tiên hiền xưa nổi danh về tài chí cùng những đóng góp cho triều chính. Ấn sâu lời thơ là tâm tư của ông với triều chính, là nỗi lòng của thi nhân luôn hướng về quê nhà: “Rồng người” hóa rồi thì “rồng thần” hiện ra/Núi đá cao ngất bên dòng sông, nhìn vào Hán Trung/Hướng Bắc Ngụy, mưu sâu bày nhận trận/Nuốt Đông Ngô, nổi giận thổi đồn phong/Thế chia chân vạc không đủ sức tranh với trời xanh/Lòng nào còn muốn đền cao vôi vọi nơi vòm biếc/Cây tùng cây bách như phẳng phất những ngày nghiêng lọng/Dòng nước thu ở Hành Dương soi sáng lòng cô trung” (*Miếu Gia Cát Vũ Hầu*).

Tác giả ghi lại một cách chân thực khi chứng kiến cảnh thanh bình của xứ người, quan nhàn rồi, thư thái, người dân có cuộc sống no ấm, những vần thơ thể hiện niềm khát khao được nhìn thấy chính nhân dân mình được thái bình, no ấm: “Nam Ninh tục gọi là “Tiểu Nam Kinh”/Nhân vật phồn hoa đầy cả thị thành/Nhà cửa bên đường, màn che mặt trời/Đài tạ bên sông, đèn như sao sa... Đồi thịnh trị nơi công đường không có việc/Chim công múa trên ghế, chim oanh hót ngoài hiên (*Ghi điều trông thấy ở Nam Ninh*). Là người yêu thiên nhiên, thích thưởng ngoạn vẻ đẹp mà tạo hóa ban cho con người nên khung cảnh thiên nhiên nơi ông đi qua đều được vẽ lại qua những vần thơ đẹp đẽ và tươi sáng: “Một núi một sông lần lượt đón chào/Về núi, sắc nước trong sáng như nhau/Mây khói nhẹ nhàng, trời thu tháng tám/Sương móc lạnh lẽo, nửa đêm canh ba (*Mùa thu thả thuyền trên sông Ly*).

Hình ảnh của dòng sông Tương: “Nhìn ra hồ Thanh Thảo mênh mông bát ngát/Sóng yên gió lặng, mặt nước phẳng như trái chiếu/Núi trước mặt mờ mờ, thấp nhưng còn thấy có núi/Bến đàng xa tít tắp, nhỏ dường như không thấy gì” (*Buổi sáng từ sông Tương ra đi*).

Trong thời gian rong ruổi đi cũng như trở về và lưu trú lại trên đất nước Trung Hoa, có nhiều lúc Ngô Thì Nhậm cảm thấy thân tâm mỗi mệt nhưng ngay khi có lệnh triệu vào kinh ông đã cố gắng, tự khích lệ, động viên mình vượt lên hoàn cảnh để phụng sự đất nước. Sự thay đổi của thời tiết, khí hậu, thủy thổ và đường vận dậm cũng đã khiến ông nhiều lần bị ốm. Đó là lúc dễ khiến cho con người sồn lòng nản chí, song với ý chí và nghị lực phi thường, Ngô Thì Nhậm đã lấy tổ quốc, lấy sự tin

tướng của vua để giữ vững tinh thần, để làm điểm tựa cho cuộc hành trình: “Đến đâu cũng có non sông phù hộ/Nay lại mới được nhuần thấm ơn mưa móc/Giữ trung tín, tự tin là bệnh khỏi/Không lo gì mà không phấn phát tinh thần” (*Guộng bệnh tả nổi lòng*). Ông tự động viên mình khi đau ốm: “Thân hèn này đã hiến dâng cho nước từ bấy nay/Giong ruổi ngày đêm há quản tần phiền/Xưa nay trong đau khổ thường sinh sáng suốt/ Kiêngh khem, thanh đạm đó là bài thuốc giữ gìn sức khỏe” (*Thuật lại khi ốm*).

Thơ đi sứ của Ngô Thì Nhậm phản chiếu đúng con người ông, một người lúc nào cũng đau đầu với thời cuộc, yêu tha thiết quê hương đất nước, xúc động trước cảnh đẹp của thiên nhiên. Mảng đề tài này của ông cũng đóng góp vào dòng chảy văn học trung đại và góp phần tạo nên diện mạo của một loại hình nhà nho trong lịch sử văn học.

5. Triết lý về chữ nhàn

Chúng tôi cho rằng, cảm hứng về cái nhàn hay cảm hứng nhàn tản chính là điểm gặp gỡ thú vị nhất về ba loại hình tác giả nhà nho, kể cả tác giả thiển sư trong văn học trung đại Việt Nam [7, tr.11 - 18]. Với Ngô Thì Nhậm thì cảm hứng về cái nhàn xuất hiện trong hầu hết các tập thơ của ông, kể cả thơ đi sứ, đó là lúc mà ông hướng lòng mình tới thiên nhiên, phiêu du cùng mây gió, lòng được thanh thản sau bao tất bật quan trường, công văn giấy tờ: “Sắc thu, hoa vàng, một ngày tạnh ráo/ Dắt dìu dạo bước trước chùa bên sông/ Tầng lầu cao bên mé nước, nhỏ nhỏ bóng chuông/ Trên đường sạch đón nắng mai, nhẹ nhàng bụi dệp... (*Đi dạo nắng ở ngôi chùa bên sông*).

Trong thời gian ẩn náu ở quê vợ (Thái Bình), cảm hứng về chữ nhàn đã giúp cho thi nhân gìn giữ được sự thanh cao của khí tiết của một kẻ sĩ, giúp ông nuôi dưỡng

được chí khí đợi ngày có cơ hội tiếp tục được ra giúp dân giúp nước. Một lần ghé thăm thư đường Vân Động, Ngô Thì Nhậm đã khắc họa được một khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống sinh hoạt của con người thật êm ả, thanh bình: “Thuyền nhẹ, gõ mái chèo bơi đến Vân Động/Muôn học gió mát cùng ta làm bạn/Bãi bến, chim âu thay đổi tới lui/Giang thôn, cây tạnh luôn đưa đón/Sáu bảy ông say rượu đi về trên cầu ván/Năm bạn trẻ chần trâu thổi sáo chơi trò chơi/Trong này có thư đường dưới bóng liễu xanh/Bên cây đèn ngời đôi diện bàn về Hàn, Đông” (*Thăm thư đường Vân Động*).

Nhân lúc rảnh rỗi Ngô Thì Nhậm đã thuật lại mong muốn của mình là được đi ở ẩn, tránh xa cõi tục để lòng được thư thái. Trên thực tế thì với ông, điều đó chỉ là niềm mong ước và niềm mong ước ấy cũng chỉ xuất hiện trong một cảnh huống nhất định nhưng qua lời thơ, ta thấy cảm hứng thiển môn: “Nơi quán trọ, lúc nhàn hạ ban ngày đóng cửa/Thôi xao tiêu khiến mấy bài thơ/Chuyện tốt lành ở quê nhà dựa vào thư đưa lại/Nỗi âu lo của thân thể, chỉ biết bói cỏ thi/Cửa nhà hầu sâu tựa biển, ít chân ai tới/Cảnh nhà quan lạnh như băng, chỉ lòng mình hay/Mấy sợi tóc điểm tuyết đưa trắng với hoa mai/Biết ngày nào được buông ngựa trở về Hoa Sơn (*Nói ý mình lúc rảnh*).

Cảm hứng nhàn tản cũng đến với ông khi đang đi sứ sang nhà Thanh: “Cái diệu ý của trời đất nói sao cho xiết/Muôn vạn hình tượng riêng đẹp trong ánh chiều/Chỗ cao của núi màu vàng, chỗ thấp màu biếc/Phía bên trái nước biếc, phía bên phải màu đỏ/Cá lặn châu vẩy như ánh lửa đầu ghềnh/Chim về tổ vẩy cánh sinh gió trên ngọn cây/Lại còn có một ý vị trong treo hơn nữa/Tiếng chuông chùa vắng vắng trong rừng thông (*Ngắm cảnh chiều trên sông Lệ giang*).

Không ít lần phong cảnh thiên môn trở đi trở lại trong thơ ông: “Tính đốt ngón tay, cánh bông trôi dạt gã năm năm/Mùa thu này đến tham Thiền ở ngôi chùa làng/Hoa cúc vừa nở tung chiếc áo giáp vẫy vàng/Lá bối, cầm xem lại, đã bén mùi Thiền/Việc đã qua coi như một giấc Nam Kha/Cái tôi thuở trước vẫn còn duyên nợ Trúc lâm/Linh am thanh thản, linh tứ sáng/Khi mát thoảng vào ao Ngâm, một làn nước trong (*Cuối thu vào chùa tham thiền*).

Với niềm cảm hứng hướng về cái nhân mang màu sắc thiên ở nhiều khúc đoạn của con đường hành đạo nhiều gập ghềnh, buồn vui lẫn lộn, dễ hiểu về những việc làm, hành động của Ngô Thì Nhậm lúc cuối đời: lập Thiền viện Trúc lâm tại gia, viết “Trúc lâm tông chỉ nguyên thanh”, khởi xướng việc làm chùa để cho dân làng có nơi văn cảnh, nhập nhóm nghiên cứu đàm đạo về Thiền học (Ngô Thì Hoàng, Vũ Trinh, Nguyễn Đăng Sở). Điều tạo nên nét riêng ở Ngô Thì Nhậm chính là việc ông luôn đứng ở điểm nhìn của một nho sĩ hành đạo đầy nhiệt thành khi nhìn nhận Phật giáo. Ông cũng tỏ ra đã lĩnh hội sâu sắc nhiều vấn đề của đạo Thiền, song Ngô Thì Nhậm vẫn chưa phải là người “ngộ” được Thiền bởi tất cả tâm sức ông đã dành cho việc dân, việc nước. Những vần thơ đậm chất thiên môn cho thấy, ở Ngô Thì Nhậm có sự đan cài giữa loại hình nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật, đây là trường hợp thú vị của văn học trung đại.

6. Kết luận

Những sáng tác của Ngô Thì Nhậm là tấm gương phản chiếu cuộc đời chính trị nhiều thăng trầm của ông. Là một người sống và tham gia vào chính sự, nên những tư tưởng của Ngô Thì Nhậm không nằm

ngoài mục đích vì dân, vì nước. Tư tưởng của ông mang tinh thần hành động và nhập thể tích cực, đáp ứng được đòi hỏi của xã hội đương thời. Ngô Thì Nhậm là một trường hợp tiêu biểu của mẫu hình nhà nho hành đạo trong văn học trung đại. Dù thấm nhuần tư tưởng của Nho gia nhưng một số sáng tác và quan niệm của ông về cuộc sống mang hơi hướng của Phật giáo, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ở Ngô Thì Nhậm có sự dung hòa giữa Nho giáo và Phật giáo, điều này mở ra những hướng nghiên cứu về trường hợp thú vị trong lịch sử này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cao Xuân Huy, Thạch Can (Chủ biên) (1978), *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, quyển 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Trần Đình Hượu (1998), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Lê Văn Tấn (2013), *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Lê Văn Tấn (2013), “Loại hình tác giả nhà nho ẩn dật trong văn học trung đại Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 10.
- [5] Lê Văn Tấn (2014), “Nhận diện loại hình tác giả nhàn tản trong văn học trung đại Việt Nam”, Tạp chí *Thông tin khoa học xã hội*, số 11.
- [6] Trần Nho Thìn (2003), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả văn học - nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Trần Ngọc Vương (1998), *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

